

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 9 - 2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Nam; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2019, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Buôn K, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*.

Bị đơn: Chị H B Niê, sinh năm 1987

Địa chỉ: Buôn K, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt – đã tổng đạt hợp lệ)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với cô H B Niê chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã p, huyện b, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là chúng tôi không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay tôi xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hiện nay chúng tôi đều đã có cuộc sống riêng nên không còn có thể đoàn tụ được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H B Niê.

Bị đơn: chị H B Niê, trình bày:

Về hôn nhân: Tôi với anh Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài, thực tế thì chúng tôi đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến nhau nữa, mặc dù hai vợ chồng không còn ở với nhau nhưng tôi vẫn có trách nhiệm đi làm ăn lo cho các con. Nay anh T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tôi xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, còn tình cảm với nhau nên tôi không đồng ý ly hôn.

[2]. *Về con chung:* Anh T và chị B có hai người con chung, tên là: Lê Công M Niê - sinh ngày: 24/11/2005 và cháu Lê Anh T1 Niê - sinh ngày 11/02/2008.

Trường hợp ly hôn các đương sự đã thỏa thuận giao cả hai người con chung cho anh Thuận trực tiếp nuôi dưỡng.

[3]. *Về cấp dưỡng:* Anh T không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T và chị B không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2019 cháu Lê Công M Niê và Lê Anh T1 Niê khai: Các cháu là con của bố Lê Văn T và mẹ H B Niê. Khi bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với bố Lê Văn T.

Bị đơn chị H B Niê vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H B Niê vắng mặt là lần thứ hai, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị B là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về hôn nhân:* Anh Lê Văn T với chị H B Niê chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế, anh T và chị B đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, anh T cho rằng cả hai đều đã có cuộc sống riêng nên không còn có thể đoàn tụ được, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H B Niê. Chị B cũng thừa nhận là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Tuy nhiên, chị B cho rằng vẫn còn tình cảm với anh T nên không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh mâu thuẫn gia đình ngày 22/8/2019 ông Y B Byă – Buôn trưởng Buôn K, xã P, huyện B, cho biết: anh Lê Văn T và chị H B Niê có đăng ký hộ khẩu thường trú tại K, xã P. Sau khi kết hôn, anh T và chị B chung sống tại Buôn K, xã P, đến khoảng năm 2010 anh T đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn đến năm 2018 mới trở về địa phương, vợ chồng anh T và chị B cũng ly thân trong thời gian đó. Đến nay anh T và chị B không còn chung sống với nhau, không còn

quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của các đương sự và biên bản xác minh tại Ban tự quản Buôn K, xã P là nơi anh T và chị B sinh sống, HĐXX xét thấy giữa anh T và chị B thực tế có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân là do vấn đề làm ăn kinh tế. Thực tế hai bên đều thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, nay anh T yêu cầu giải quyết ly hôn, chị B không đồng ý ly hôn mà đưa ra lý do là còn tình cảm với anh T là lý do không chính đáng nên không được HĐXX chấp nhận. Mâu thuẫn gia đình giữa anh T và chị B đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không còn có sự thương yêu chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T cần được HĐXX chấp nhận, cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị H B Niê là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Anh T và chị B có hai người con chung là Lê Công M Niê, sinh ngày 24/11/2005 và Lê Anh T1 Niê – Sinh ngày 11/02/2008.

Hiện nay chị B đi làm ăn xa, cả hai người con chung đều đang ở với anh T. Tại phiên hòa giải, anh T và chị B đều thống nhất giao cả hai người con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đây cũng là nguyện vọng của các cháu M và T1 khi cha mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của các cháu M và cháu T và sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng*: Anh T chưa yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Anh Lê Văn T là cá nhân thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí, cần miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho anh T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị H B Niê. Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01, ngày 13/3/2007 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho anh T và chị B hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận việc anh Lê Văn T và chị H B Niê thỏa thuận giao cả hai người con chung là Lê Công M Niê - sinh ngày 24/11/2005 và Lê Anh T1 Niê – sinh ngày 11/02/2008 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu Lê Công M Niê và Lê Anh T1 Niê đủ tròn 18 tuổi.

Chị H B Niê được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật như: có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Để đảm bảo quyền lợi chung của con chưa đủ tuổi thành niên, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn T là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi